

Quỹ ETF Techcom Capital VNX50

Được quản lý bởi

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF

Managed by

Techcom Capital JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày **14** tháng 08 năm 2025

Hanoi, day **14** month 08 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Name of FMC* : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“TCC”)/*Techcom Capital Joint Stock Company*
 - Tên Quỹ ETF niêm yết/ *Name of listed fund*: Quỹ ETF Techcom Capital VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*
 - Mã chứng khoán/ *Stock Code*: FUETCC50
 - Địa chỉ/ *Address*: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, Số 6 Phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/ *20th Floor, Techcombank Building, No. 6 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi City.*
 - Email: IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn Website: <https://www.techcomcapital.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure information*:
Báo cáo tài chính đã soát xét giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Quỹ ETF Techcom Capital VNX50/ *Reviewed financial statements for the six-month period ended June 30, 2025 of Techcom Capital VNX50.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày **14**/08/2025 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn/> This information was published on the company's/fund's website on August **14**, 2025 at: http://www.techcomcapital.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính đã soát xét giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.
Reviewed financial statements for the six-month period ended June 30, 2025.



Trân trọng/*Sincerely*/.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

Người được ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information 



Phí Tuấn Thành

Tổng Giám Đốc/ Chief Executive Officer



Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2025



Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 15
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	24 - 50

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 ("Quỹ") được thành lập ngày 20 tháng 01 năm 2025 dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ hoán đổi danh mục số 23/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 20 tháng 01 năm 2025. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSX") từ ngày 11 tháng 3 năm 2025 với mã chứng khoán là FUETCC50.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 61.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.100.000 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.300.000 Chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VNX50 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019. Giấy phép điều chỉnh của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu được trình bày trong bảng dưới đây:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Ngày ban hành</i>
Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh trụ sở chính	Ngày 24 tháng 1 năm 2025
Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng	Ngày 18 tháng 11 năm 2022
Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 6 tháng 9 năm 2022

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được Ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty, trong đó có báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 020703/23/UQ-CTHĐQT-TCC ngày 7 tháng 3 năm 2023.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Phương Lan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2024
Ông Đào Kiên Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2024
Ông Trần Việt Thỏa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2024

Nhiệm kỳ Ban Đại diện: 2024-2029

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 ("Quỹ") cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tình hình thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ với Ban Đại diện Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư giữa niên độ của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ hoán đổi danh mục.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ:



Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VNX50 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 9,92% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày thành lập 20 tháng 01 năm 2025; Trong khi giá trị của danh mục của chứng khoán cơ cấu thay đổi là 17,72%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 10,46%.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn Chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ thuộc loại quỹ hoán đổi danh mục.

1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không có

1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Cao

1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSX") từ ngày 11 tháng 3 năm 2025 với mã chứng khoán là FUETCC50.

1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.300.000 Chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ Quỹ là 10.991,92654 đồng Việt Nam.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.9 *Chỉ số tham chiếu của Quỹ*

Chỉ số tham chiếu của Quỹ là chỉ số VNX50, một chỉ số giá do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSX") và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội ("HNX") đồng xây dựng và HSX và HNX phối hợp quản lý chỉ số hàng ngày, trong đó HSX trực tiếp thực hiện việc tính toán và vận hành, bao gồm năm mươi (50) công ty được lựa chọn từ danh sách các công ty niêm yết trên HSX và HNX theo tiêu chí xây dựng chỉ số. Ngày cơ sở của chỉ số là 21 tháng 7 năm 2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21 tháng 7 năm 2017.

Chỉ số VNX50 đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 250 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.10 *Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ*

Theo quy định của Điều lệ quỹ hiện tại, Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản của Quỹ.

1.11 *Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ*

Trong kỳ Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 20 tháng 01 năm 2025 VND
Danh mục chứng khoán	68.067.405.000	-
Tài sản khác	1.293.014.156	61.000.000.000
	69.360.419.156	61.000.000.000

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 20 tháng 01 năm 2025
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	69.249.137.205	61.000.000.000
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	6.300.000	6.100.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	10.991,92654	10.000,00
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	10.991,92654	-
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	8.606,77	-
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	10.990,00	-
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.990,00	-
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	8.710,00	-
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	9,92%	-
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	8,51%	-
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,38%	-
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	-
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	-
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,90%	-
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,08%	-

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

<u>Giai đoạn</u>	<u>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</u>	<u>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</u>
Từ khi thành lập	9,92%	23,75%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	10,46%	12,84%

2.4 Tăng trưởng hàng năm

<u>Thời kỳ</u>	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</u>
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ/năm	23,75%

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Kinh tế vĩ mô

Kinh tế Việt Nam trong Quý II và 6 tháng đầu năm 2025 tiếp tục thể hiện đà tăng trưởng ấn tượng và toàn diện. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II tăng gần 8% so với cùng kỳ năm trước, đẩy tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm lên 7,5%, mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Đà tăng trưởng này được dẫn dắt bởi sự phục hồi mạnh mẽ và đồng đều ở cả ba khu vực kinh tế, khẳng định các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh và kích cầu tiêu dùng của Chính phủ đang phát huy hiệu quả.

Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục là trụ cột chính của nền kinh tế khi tăng trưởng 8,3% trong 6 tháng đầu năm, đóng góp 42,2% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng tăng 9,2%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11,1%. Sự phục hồi của sản xuất, đặc biệt ở các ngành công nghiệp trọng điểm, không chỉ thúc đẩy hoạt động xuất khẩu mà còn tạo nền tảng vững chắc cho nhóm cổ phiếu ngành liên quan. Lĩnh vực xây dựng cũng ghi nhận mức tăng trưởng tốt nhờ việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm ước đạt 1.591,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ, tạo động lực cho các doanh nghiệp vật liệu xây dựng và hạ tầng.

Hoạt động thương mại quốc tế là một điểm sáng nổi bật. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm đạt 432,0 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ, với cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu ước tính 7,6 tỷ USD. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam trong 6 tháng đạt 11,7 tỷ USD, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước. Những con số này phản ánh niềm tin của nhà đầu tư quốc tế và năng lực cạnh tranh ngày càng cao của hàng hóa Việt Nam, mang lại triển vọng tích cực cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực khu công nghiệp, logistics và sản xuất.

Khu vực dịch vụ ghi nhận sự bùng nổ mạnh mẽ với mức tăng trưởng 8,1% trong 6 tháng, cao nhất trong giai đoạn 2011-2025. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm tăng 9,3% so với cùng kỳ. Ngành du lịch tiếp tục là động lực chính khi khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng đầu năm đạt hơn 10,7 triệu lượt người, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước. Sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa và du lịch tạo đà tăng trưởng vững chắc cho các doanh nghiệp ngành bán lẻ, dịch vụ, vận tải và hàng không.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

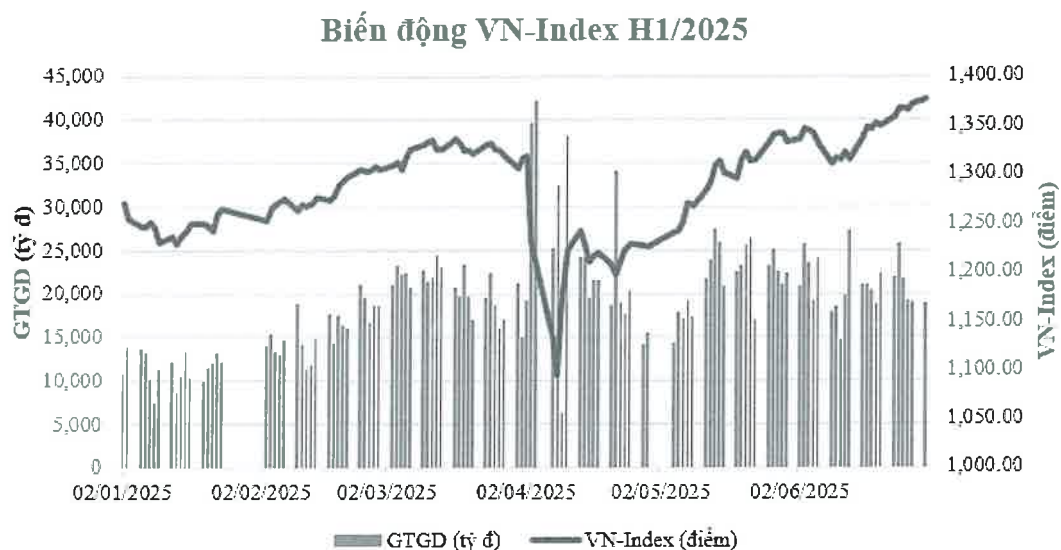
3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng đầu năm 2025 tăng 3,3% so với cùng kỳ, nằm trong ngưỡng an toàn do Quốc hội đề ra, cho thấy sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Tăng trưởng tín dụng tiếp tục được duy trì ở mức cao, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, góp phần củng cố đà phát triển của nhóm ngành ngân hàng và dịch vụ tài chính.

Thị trường chứng khoán nửa đầu năm 2025

Diễn biến kinh tế vĩ mô tích cực đã tạo bệ đỡ vững chắc cho thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trong Quý II/2025. Mặc dù phải đối mặt với những biến động khó lường từ thị trường tài chính toàn cầu, VN-Index vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định, phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư vào tiềm năng của nền kinh tế.



Trong 6 tháng đầu năm, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 21.297 tỷ đồng/phiên, tăng 1,4% so với bình quân năm 2024. Nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng tiếp tục dẫn dắt thị trường nhờ kết quả kinh doanh khả quan và triển vọng tăng trưởng tín dụng cả năm được duy trì ở mức cao. Nhóm cổ phiếu công nghiệp và vật liệu xây dựng hưởng lợi trực tiếp từ việc đẩy mạnh đầu tư công và sự phục hồi của ngành sản xuất, chế tạo. Nhóm cổ phiếu bán lẻ, du lịch và hàng không ghi nhận sự tăng trưởng tích cực nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của tiêu dùng nội địa và hoạt động du lịch quốc tế. Ngoài ra, việc hệ thống giao dịch KRX chính thức đi vào vận hành từ ngày 05/05/2025 đã có tác động tích cực đến thanh khoản thị trường và tâm lý nhà đầu tư, đặc biệt là nhóm cổ phiếu ngành dịch vụ tài chính.

Trên thị trường trái phiếu, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 14.050 tỷ đồng/phiên, tăng 19,0%, cho thấy đây vẫn là một kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

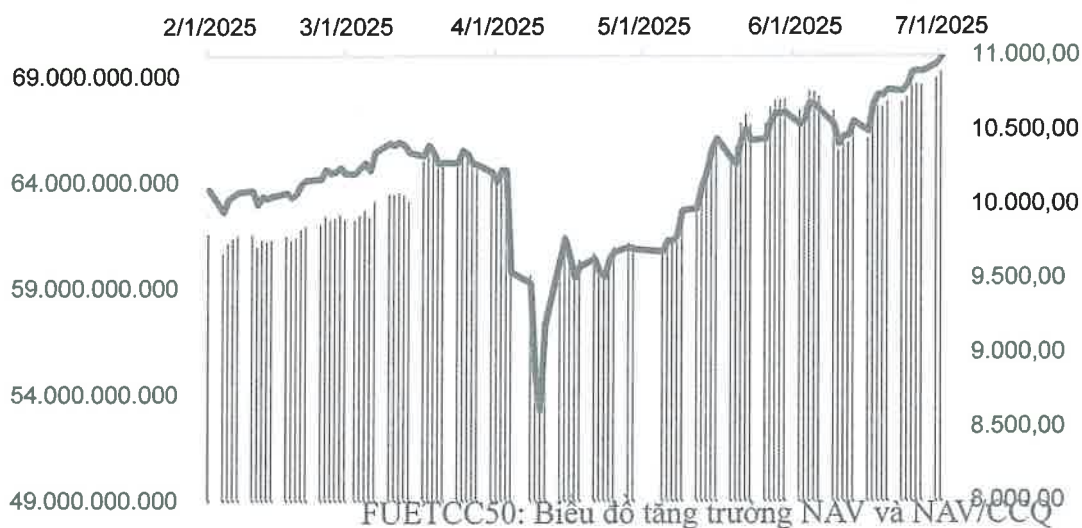
4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Từ khi thành lập đến ngày lập báo cáo (%)

Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	1,38%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	8,51%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	9,92%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	23,75%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	17,72%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	6,49%

Biểu đồ tăng trưởng Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng/1 CCQ cho giai đoạn từ khi thành lập tới ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Quỹ:

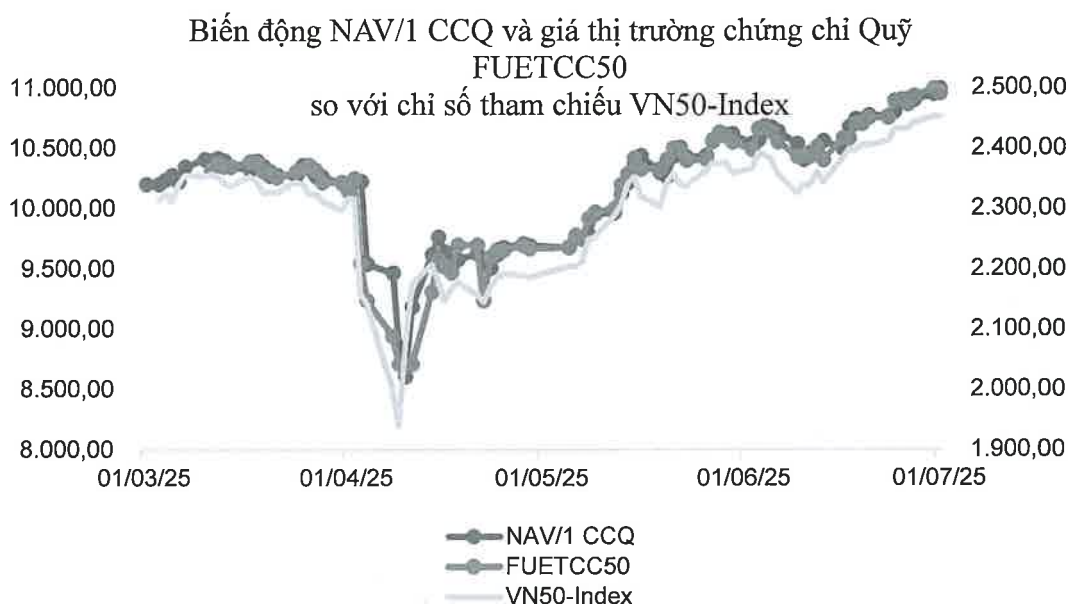


Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 20 tháng 01 năm 2025	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	69.249.137.205	61.000.000.000	13,52%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	10.991,92654	10.000,00	9,92%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	61	37.100	0,59%
Từ 5.000 đến 10.000	3	21.100	0,33%
Từ 10.000 đến 50.000	1	10.000	0,16%
Từ 50.000 đến 500.000	1	100.000	1,59%
Trên 500.000	3	6.131.800	97,33%
Tổng cộng	69	6.300.000	100%

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Với những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, triển vọng TTCK Việt Nam năm 2025 được đánh giá là có triển vọng dựa trên các động lực tăng trưởng chính sau:

- **Tăng trưởng kinh tế ổn định và thanh khoản thị trường bền vững.** Mục tiêu tăng trưởng GDP 8% cho cả năm 2025 do Quốc hội đề ra tuy thách thức nhưng khả thi nhờ quyết tâm của Chính phủ trong việc cải cách và đổi mới môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh. Nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc này giúp các doanh nghiệp niềm yết duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thị trường chứng khoán duy trì sự ổn định và thanh khoản cao, được hỗ trợ bởi dòng vốn ngoại tích cực và kỳ vọng nâng hạng thị trường trong năm 2025.
- **Nỗ lực nâng hạng thị trường và hoàn thiện khung pháp lý.** Chính phủ xác định năm 2025 là thời điểm then chốt để hoàn tất các tiêu chí nâng hạng từ thị trường cận biên lên mới nổi, với FTSE Russell dự kiến công bố quyết định vào tháng 9/2025. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi các điều lệ giao dịch chứng khoán, đồng thời hoàn thiện các quy định về giao dịch, thanh toán và bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là việc bãi bỏ yêu cầu ký quỹ 100% đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Những bước tiến này được kỳ vọng sẽ thu hút dòng vốn ngoại, nâng cao vị thế và tính cạnh tranh của thị trường chứng khoán Việt Nam trong nửa cuối năm 2025.
- **Đẩy mạnh đầu tư công và phục hồi sản xuất.** Việc tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công theo Thông tư 37/2025/TT-BTC cùng với hướng dẫn thủ tục đầu tư đặc biệt của Nghị định 19/2025/NĐ-CP đã tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án lớn, thúc đẩy phát triển các ngành xây dựng, vật liệu, bất động sản và logistics. Đồng thời, chiến lược dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu ("Trung Quốc +1") cùng sự gia tăng đơn hàng xuất khẩu đã củng cố sự phục hồi bền vững của ngành sản xuất, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế năm 2025.
- **Hệ thống tài chính - ngân hàng lành mạnh.** Mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% cùng với các nỗ lực xử lý nợ xấu và cải thiện cơ chế cho vay sẽ giúp ngành ngân hàng duy trì hiệu quả hoạt động và thúc đẩy nền kinh tế.
- **Đẩy mạnh chuyển đổi số.** Việc ứng dụng công nghệ và cải cách hành chính sẽ giúp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng tính minh bạch và hiệu quả, từ đó thu hút thêm dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Nhìn chung, triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam 2025 là tương đối tích cực và đây cũng là bước khởi đầu cho một chu kỳ tăng trưởng mới trong giai đoạn 2025 - 2030. Sự cộng hưởng từ các yếu tố vĩ mô tích cực, nỗ lực cải cách từ Chính phủ và tiềm năng của doanh nghiệp dự đoán mở ra nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn, tạo tiền đề cho một giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong dài hạn.

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ - nhiệm kỳ 2024 - 2029

Bà Nguyễn Phương Lan

Chủ tịch

Bà Lan đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, đảm nhiệm những vị trí quản lý cấp cao tại các tổ chức lớn như Phó giám đốc tư vấn tài chính tại PwC Việt Nam, Phó giám đốc đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ Techcom Capital, Trưởng phòng tài chính của Công ty CP Vinpearl.... Bà Lan cũng đã có thời gian công tác tại nhiều nước trên thế giới như tại PwC Hungary, PwC Panama ở vai trò phụ trách kiểm toán, chuyên gia cao cấp tư vấn tài chính doanh nghiệp. Với nhiều năm kinh nghiệm ở nhiều lĩnh vực khác nhau, bà Lan có những hiểu biết sâu rộng về hệ thống quản trị tài chính quốc tế, hệ thống kiểm soát nội bộ,... và đã thành công áp dụng những hệ thống này vào các tổ chức mà bà đã và đang lãnh đạo.

Bà Lan hiện đang đảm nhiệm vai trò Giám đốc Tài chính của CTCP Tập đoàn Golden Gate và là hội viên của các hiệp hội ACCA, the IIA, CPA Việt Nam.

Ông Đào Kiên Trung

Thành viên

Ông Trung tốt nghiệp Đại học Luật chuyên ngành Pháp luật Quốc tế, Đại học ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh.

Từ 1999 đến nay, ông Trung đã trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các đơn vị như Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần FPT, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT, Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương.

Ông Trần Viết Thỏa

Thành viên

Ông Thỏa có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính và đầu tư. 9 năm kinh nghiệm với vai trò giám đốc kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Hiện là Giám đốc tài chính (CFO) tại Công ty CP Âm thực Mặt Trời Vàng.



Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF Techcom Capital VNX50 (Sau đây gọi là "Quỹ") cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 (Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ tại ngày 20/01/2025). Với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ ETF Techcom Capital VNX50 đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Mạnh Cường

Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Bà Trần Thị Hồng Ngoan



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13883290/E-69317066/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Nhà Đầu tư**
Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 ("Quỹ"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 16 đến trang 50, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ hoán đổi danh mục, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và tình hình đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ hoán đổi danh mục.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.724.206.913
02	1.1. Cổ tức được chia	5	1.664.194.000
03	1.2. Tiền lãi được nhận	5	3.170.763
04	1.3. Lỗ bán các khoản đầu tư	6	(270.520.858)
05	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	5.327.363.008
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		22.911.004
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi mua, bán các khoản đầu tư	8	22.911.004
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF	9	512.076.916
20.1	3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ ETF	9, 19.1	141.013.745
20.2	3.2. Giá dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	9	115.336.972
20.3	3.3. Giá dịch vụ giám sát	9, 19.1	29.629.032
20.4	3.4. Giá dịch vụ quản trị quỹ ETF	9, 19.1	88.887.097
20.5	3.5. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	9	20.225.807
20.7	3.6. Chi phí họp Đại hội quỹ ETF	9	-
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán	9	-
20.10	3.8. Chi phí hoạt động khác	9	116.984.263
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		6.189.218.993
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		6.189.218.993
31	6.1. Lợi nhuận đã thực hiện		861.855.985
32	6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	7	5.327.363.008
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		6.189.218.993

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:
Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:
Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:
Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	1.223.714.156
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của ETF		1.223.714.156
111	1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ Quỹ ETF		-
112	1.3. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		-
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	68.067.405.000
121	2.1. Các khoản đầu tư		68.067.405.000
	2.1.1. Cổ phiếu niêm yết		67.923.765.000
	2.1.2. Quyền mua chứng khoán		143.640.000
130	3. Các khoản phải thu	12	69.300.000
133	3.1. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		69.300.000
100	TỔNG TÀI SẢN		69.360.419.156
	II. NỢ PHẢI TRẢ		
316	1. Chi phí phải trả	13	45.000.000
319	2. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	14	66.281.951
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		111.281.951
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF (I-II)		69.249.137.205
411	1. Vốn góp của Nhà Đầu tư	15	63.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		64.000.000.000
413	1.2. Vốn góp hoán đổi lại		(1.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư	15	59.918.212
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	6.189.218.993
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)		10.991,92654

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Chứng chỉ Quỹ
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	18	6.300.000

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2025


Người lập:
Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ


Người phê duyệt:
Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng


Người phê duyệt:
Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	6.189.218.993
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	6.189.218.993
II.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ ETF cho Nhà Đầu tư trong kỳ	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ	63.059.918.212
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	64.123.691.023
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ	(1.063.772.811)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	69.249.137.205

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:
Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:
Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết				
1	ACB	157.500	21.300	3.354.750.000	4,84%
2	CTG	31.500	41.900	1.319.850.000	1,90%
3	DCM	6.300	33.700	212.310.000	0,31%
4	DGC	12.600	101.700	1.281.420.000	1,85%
5	DIG	12.600	17.700	223.020.000	0,32%
6	DPM	6.300	38.500	242.550.000	0,35%
7	EIB	56.700	22.850	1.295.595.000	1,87%
8	FPT	44.100	118.200	5.212.620.000	7,52%
9	GEX	25.200	37.400	942.480.000	1,36%
10	GMD	12.600	57.900	729.540.000	1,05%
11	HCM	25.200	21.400	539.280.000	0,78%
12	HDB	94.500	21.800	2.060.100.000	2,97%
13	HPG	151.200	22.700	3.432.240.000	4,95%
14	HSG	12.600	16.600	209.160.000	0,30%
15	IDC	18.900	44.200	835.380.000	1,20%
16	KBC	18.900	26.750	505.575.000	0,73%
17	KDH	12.600	29.400	370.440.000	0,53%
18	LPB	100.800	32.250	3.250.800.000	4,69%
19	MBB	107.100	25.800	2.763.180.000	3,98%
20	MSB	75.600	12.000	907.200.000	1,31%
21	MSN	31.500	76.800	2.419.200.000	3,49%
22	MWG	44.100	65.500	2.888.550.000	4,16%
23	NLG	12.600	39.100	492.660.000	0,71%
24	PDR	18.900	18.050	341.145.000	0,49%
25	PNJ	6.300	83.100	523.530.000	0,75%
26	POW	6.300	13.000	81.900.000	0,12%
27	PVS	18.900	32.900	621.810.000	0,90%
28	SAB	6.300	47.000	296.100.000	0,43%
29	SHB	126.000	12.900	1.625.400.000	2,34%
30	SHS	44.100	12.900	568.890.000	0,82%
31	SSB	50.400	18.150	914.760.000	1,32%
32	SSI	31.500	24.700	778.050.000	1,12%
33	STB	69.300	46.700	3.236.310.000	4,67%
34	TCB	170.100	34.200	5.817.420.000	8,39%
35	TPB	56.700	13.450	762.615.000	1,10%
36	VCB	31.500	57.000	1.795.500.000	2,59%
37	VCG	12.600	22.050	277.830.000	0,40%
38	VCI	12.600	35.750	450.450.000	0,65%
39	VHM	37.800	76.700	2.899.260.000	4,18%
40	VIB	75.600	18.300	1.383.480.000	1,99%
41	VIC	44.100	95.000	4.215.900.000	6,00%
42	VJC	6.300	88.100	555.030.000	0,80%
43	VND	25.200	17.200	433.440.000	0,62%
44	VNM	31.500	58.000	1.827.000.000	2,63%
45	VPB	138.600	18.500	2.564.100.000	3,70%
46	VRE	18.900	24.650	465.885.000	0,67%
	Tổng	2.110.500		67.923.765.000	97,93%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
II	Các loại chứng khoán khác				
1	Quyền mua cổ phiếu MIRHCM251	25.200	5.700	143.640.000	0,21%
	Tổng	25.200	5.700	143.640.000	0,21%
III	Các tài sản khác				
1	Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận			69.300.000	0,10%
	Tổng			69.300.000	0,10%
IV	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF			1.223.714.156	1,76%
2	Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ Quỹ ETF			-	0,00%
	Tổng			1.223.714.156	1,76%
V	Tổng giá trị danh mục			69.360.419.156	100%

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:
Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:
Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	1. Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp		6.189.218.993
02	Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư:		(5.334.031.162)
03	Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	(5.327.363.008)
	Điều chỉnh lợi nhuận do việc mua lại chứng chỉ		(51.668.154)
04	Chi phí trích trước		45.000.000
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		855.187.831
	Các thay đổi trong kỳ của các khoản phải thu, các khoản phải trả từ hoạt động đầu tư:		
20	- Tăng các khoản đầu tư		(1.050.044.838)
06	- Giảm phải thu bán chứng khoán đầu tư		-
07	- Tăng phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(69.300.000)
11	- Tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ		-
13	- Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-
14	- Tăng phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ		-
15	- Tăng phải trả cho Nhà Đầu tư về hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ		-
16	- Giảm phải trả phải nộp khác		-
17	- Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		66.281.951
19	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(197.875.056)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF		1.441.342.023
22	Tiền chi hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF		(19.752.811)
30	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.421.589.212
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		1.223.714.156

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	10	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		-
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>		-
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		-
53	- Tiền gửi của Nhà Đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ Quỹ		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	10	1.223.714.156
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		1.223.714.156
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		1.223.714.156
	<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>		1.223.714.156
	<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>		-
58	- Tiền gửi của Nhà Đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ Quỹ		-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		1.223.714.156

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:
Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:
Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ

ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 ("Quỹ") được thành lập ngày 20 tháng 01 năm 2025 dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ hoán đổi danh mục số 23/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 20 tháng 01 năm 2025. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Quỹ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HSX") từ ngày 11 tháng 3 năm 2025 với mã chứng khoán là FUETCC50.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 57/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 01 năm 2019. Giấy phép điều chỉnh của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu được trình bày trong bảng dưới đây:

<i>Giấy phép điều chỉnh số</i>	<i>Ngày ban hành</i>
Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh trụ sở chính	Ngày 24 tháng 1 năm 2025
Giấy phép điều chỉnh số 114/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty điều chỉnh vốn điều lệ lên 669.662.910.000 đồng	Ngày 18 tháng 11 năm 2022
Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Xuân Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 6 tháng 9 năm 2022

Công ty được sở hữu 88,99956% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Minh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị căn cứ theo Giấy phép điều chỉnh số 87/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ngày 6 tháng 9 năm 2022.

Ông Phí Tuấn Thành được Ông Nguyễn Xuân Minh ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty, trong đó có báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 020703/23/UQ-CTHĐQT-TCC ngày 7 tháng 3 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)****Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**Quy mô vốn**

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 61.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.100.000 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 63.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.300.000 Chứng chỉ Quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VNX50 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**Ngày định giá**

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 được xác định hàng ngày và tại cuối tháng. Ngày định giá là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các ngày hoán đổi và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) theo quy định của pháp luật hoặc các mục đích khác do Công ty Quản lý Quỹ xác định. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền sau đó.

Đối với kỳ định giá tháng, Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định tại ngày cuối cùng của tháng và Ngày định giá là ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại Ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến năm (5) chữ số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Tần suất giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Nếu Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi và các thời điểm liên quan. Tần suất giao dịch sẽ luôn đảm bảo không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và công bố tại bản cáo bạch. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:

- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b nêu tại Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư nêu trên của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e nêu tại Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư nêu trên được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- d) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ đó;
- e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- f) Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- g) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong Danh mục chỉ số tham chiếu;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của quỹ.

Cơ cấu đầu tư của quỹ ETF chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c và e nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể;
- ▶ Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu thay đổi;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh.

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- ▶ Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
- ▶ Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định trên.

Các trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục và thực hiện công bố thông tin theo các quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Giai đoạn tài chính giữa niên độ của Quỹ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6.

Quỹ được thành lập ngày 20 tháng 01 năm 2025 (Thuyết minh số 1.1) nên Quỹ áp dụng giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là kỳ lập báo cáo giữa niên độ đầu tiên.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và tuân thủ các quy định có liên quan.

Theo Thông tư 181, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ;
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF giữa niên độ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Do vậy, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư

Quỹ đầu tư vào các cổ phiếu nằm trong rổ chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu VNX50 và các tài sản tài chính như nêu tại Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư tại Việt Nam.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và tại kỳ tính giá trị tài sản ròng.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá gốc;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này; và
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các trái phiếu này.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 hướng dẫn về việc hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

▶ Trái phiếu niêm yết

Giá thị trường là Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá xác định Theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ Trái phiếu chưa niêm yết:

Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá xác định Theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ Cổ phiếu

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

► Cổ phiếu (tiếp theo)

- iii. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ✓ Mệnh giá; hoặc
 - ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- iv. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:
 - ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
- v. Cổ phần, phần vốn góp khác: Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau:
 - ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
 - ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► Chứng khoán phái sinh

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá: Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

► Các tài sản khác

- ✓ Là các tài sản được phép đầu tư khác;
- ✓ Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất - trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ tài chính ban hành.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ

ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Dự phòng phát sinh trong kỳ có liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng lợi tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 VND. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng của 1 Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành và làm tròn tới năm (05) chữ số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối giai đoạn tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho Nhà Đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.8 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 *Doanh thu* (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các công ty chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết) (nếu có).

4.9 *Chi phí và giá dịch vụ*

Các khoản chi phí được hạch toán theo nguyên tắc dự thu, dự chi và ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản chi phí phát sinh từ việc bán các khoản đầu tư được trừ vào tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư. Các khoản chi phí của Quỹ được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo là 0,5% giá trị tài sản ròng một năm, được áp dụng từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) và được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website ngày 4 tháng 10 năm 2024.

Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số tiền trả dịch vụ hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ là 0,06% giá trị ròng một năm và thấp nhất là 20.000.000 VND/tháng.

Giá dịch vụ lưu ký sẽ là 0,02% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 5.000.000 VND/tháng.

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 15.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn theo kỳ định giá và được thanh toán định kỳ hàng tháng theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) và được quy định chi tiết trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật và có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận với Đại lý chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí và giá dịch vụ (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ sử dụng Chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là 0,05% một năm, tính cộng dồn trên Giá trị tài sản ròng (NAV) hàng ngày, tối thiểu 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

Số tiền cung cấp dịch vụ được tính kể từ ngày FUETCC50 được cấp quyền, được niêm yết và giao dịch đầu tiên trên HOSE, và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần.

Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking error – TE)

Giá dịch vụ tính toán iNAV, iINDEX và TE sẽ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính iNAV, iINDEX và TE. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% một năm, tính cộng dồn trên Giá trị tài sản ròng (NAV) hàng ngày, tối thiểu 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

Số tiền cung cấp dịch vụ được tính kể từ ngày FUETCC50 được cấp quyền, được niêm yết và giao dịch đầu tiên trên HOSE, và được thanh toán mỗi sáu (06) tháng một lần.

Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty Chứng khoán và các bên khác;
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- Thù lao cho Ban đại diện quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
- Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế (tiếp theo)

a. Giao dịch trả lợi tức cho Nhà Đầu tư

Khi Quỹ trả lợi tức cho Nhà Đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Công ty Quản lý Quỹ trả lợi tức cho Nhà Đầu tư: (i) đối với Nhà Đầu tư là tổ chức đầu tư, Nhà Đầu tư và/hoặc Công ty Quản lý Quỹ thực hiện kê khai và nộp thuế theo quy định của pháp luật hiện hành; (ii) đối với Nhà Đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

b. Giao dịch hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. CỎ TỨC/TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01
năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025
VND

Cổ tức được chia	1.664.194.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn đã nhận bằng tiền	3.170.763
	1.667.364.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

6. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Tổng giá trị bán/ Giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ Giá trị hoán đổi VND	Lỗ bán chứng khoán/ Chênh lệch giữa giá chứng khoán mua hộ và giá trị hoán đổi cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	[1]	[2]	[3] = [1] – [2]
Lỗ bán các khoản đầu tư	6.950.888.200	7.273.077.212	(322.189.012)
Cổ phiếu niêm yết	6.950.888.200	7.273.077.212	(322.189.012)
Lãi giao dịch chứng khoán trong	1.044.020.001	992.351.847	51.668.154
giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ			
Cổ phiếu giao dịch hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ	1.044.020.001	992.351.847	51.668.154
Tổng cộng	7.994.908.201	8.265.429.059	(270.520.858)

7. CHÉNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	[1]	[2]	[3] = [2] – [1]
Cổ phiếu niêm yết	62.740.041.992	67.923.765.000	5.183.723.008
Quyền mua chứng khoán	-	143.640.000	143.640.000
Tổng	62.740.041.992	68.067.405.000	5.327.363.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

8. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho giai đoạn tài chính từ ngày
20 tháng 01 năm 2025 đến
ngày 30 tháng 6 năm 2025
VND

Chi phí môi giới, giao dịch mua các khoản đầu tư	12.484.681
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	10.426.323
	22.911.004

9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF

Cho giai đoạn tài chính từ ngày
20 tháng 01 năm 2025 đến
ngày 30 tháng 6 năm 2025
VND

Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF	141.013.745
Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	115.336.972
Giá dịch vụ giám sát	29.629.032
Giá dịch vụ quản trị Quỹ ETF	88.887.097
Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.225.807
Chi phí kiểm toán	-
Chi phí hoạt động khác	116.984.263
- Phí ngân hàng	177.811
- Phí quản lý thường niên trả HSX, HNX	25.000.000
- Phí niêm yết và đăng ký chứng khoán	11.000.000
- Thù lao ban đại diện Quỹ	80.806.452
	512.076.916

10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngày 30 tháng 6
năm 2025
VND

Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.223.714.156
Tiền gửi cho hoạt động mua bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-
	1.223.714.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT	Các khoản đầu tư	Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
1	Cổ phiếu niêm yết	62.740.041.992	67.923.765.000	8.315.019.700	(3.131.296.692)	67.923.765.000
2	Quyền mua chứng khoán	-	143.640.000	143.640.000	-	143.640.000
	Tổng cộng	62.740.041.992	68.067.405.000	8.458.659.700	(3.131.296.692)	68.067.405.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	69.300.000
	69.300.000

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	45.000.000
	45.000.000

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Phải trả giá dịch vụ quản lý	27.781.951
Phải trả giá dịch vụ quản trị quỹ	16.500.000
Phải trả giá dịch vụ giám sát	5.500.000
Phải trả giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000
	66.281.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

15. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Biến động vốn góp của Nhà đầu tư trong giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

	Đơn vị	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	-	6.400.000	6.400.000
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	-	64.000.000.000	64.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	-	123.691.023	123.691.023
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF (4) = (2) + (3)	VND	-	64.123.691.023	64.123.691.023
Vốn góp hoán đổi lại				
Số lượng (5)	CCQ	-	(100.000)	(100.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại của Nhà đầu tư (7)	VND	-	(63.772.811)	(63.772.811)
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF (8) = (6) + (7)	VND	-	(1.063.772.811)	(1.063.772.811)
Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành				
(9) = (1) + (5)	CCQ	-	6.300.000	6.300.000
Giá trị vốn góp hiện hành (10) = (4) + (8)				
	VND	-	63.059.918.212	63.059.918.212
Lãi lũy kế (11)				
	VND	-	6.189.218.993	6.189.218.993
Giá trị tài sản ròng hiện hành (12) = (10) + (11)				
	VND	-	69.249.137.205	69.249.137.205
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ Quỹ (13) = (12)/(9)				
	VND/CCQ	-		10.991,92654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	861.855.985
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.327.363.008
	6.189.218.993

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
	31/01/2025	61.580.616.825	6.100.000	10.095,18	-
1	03/02/2025	60.667.996.189	6.100.000	9.945,57	(149,61)
2	04/02/2025	61.178.742.377	6.100.000	10.029,30	83,73
3	05/02/2025	61.343.921.302	6.100.000	10.056,38	27,08
4	06/02/2025	61.473.323.931	6.100.000	10.077,59	21,21
5	09/02/2025	61.556.796.768	6.100.000	10.091,28	13,69
6	10/02/2025	60.962.756.020	6.100.000	9.993,89	(97,39)
7	11/02/2025	61.314.900.343	6.100.000	10.051,62	57,73
8	12/02/2025	61.232.725.791	6.100.000	10.038,15	(13,47)
9	13/02/2025	61.314.640.117	6.100.000	10.051,58	13,43
10	16/02/2025	61.460.746.908	6.100.000	10.075,53	23,95
11	17/02/2025	61.265.514.907	6.100.000	10.043,52	(32,01)
12	18/02/2025	61.416.417.439	6.100.000	10.068,26	24,74
13	19/02/2025	61.812.850.540	6.100.000	10.133,25	64,99
14	20/02/2025	61.969.747.492	6.100.000	10.158,97	25,72
15	23/02/2025	62.021.612.826	6.100.000	10.167,47	8,50
16	24/02/2025	62.424.044.355	6.100.000	10.233,44	65,97
17	25/02/2025	62.269.724.199	6.100.000	10.208,15	(25,29)
18	26/02/2025	62.323.002.212	6.100.000	10.216,88	8,73
19	27/02/2025	62.492.460.654	6.100.000	10.244,66	27,78
20	28/02/2025	62.244.885.379	6.100.000	10.204,07	(40,59)
21	02/03/2025	62.239.502.646	6.100.000	10.203,19	(0,88)
22	03/03/2025	62.469.989.593	6.100.000	10.240,98	37,79
23	04/03/2025	62.693.645.987	6.100.000	10.277,64	36,66
24	05/03/2025	62.370.104.679	6.100.000	10.224,60	(53,04)
25	06/03/2025	63.122.000.325	6.100.000	10.347,86	123,26
26	09/03/2025	63.502.490.830	6.100.000	10.410,24	62,38
27	10/03/2025	63.432.625.550	6.100.000	10.398,79	(11,45)
28	11/03/2025	63.537.147.969	6.100.000	10.415,92	17,13
29	12/03/2025	63.430.652.246	6.100.000	10.398,46	(17,46)
30	13/03/2025	63.122.799.351	6.100.000	10.347,99	(50,47)
31	16/03/2025	65.045.754.648	6.300.000	10.324,72	(23,27)
32	17/03/2025	65.487.354.071	6.300.000	10.394,81	70,09
33	18/03/2025	65.212.236.663	6.300.000	10.351,14	(43,67)
34	19/03/2025	64.714.965.167	6.300.000	10.272,21	(78,93)
35	20/03/2025	64.756.550.051	6.300.000	10.278,81	6,60

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND
36	23/03/2025	64.740.726.668	6.300.000	10.276,30	(2,51)
37	24/03/2025	65.275.293.896	6.300.000	10.361,15	84,85
38	25/03/2025	65.136.672.311	6.300.000	10.339,15	(22,00)
39	26/03/2025	64.712.422.050	6.300.000	10.271,81	(67,34)
40	27/03/2025	64.675.035.901	6.300.000	10.265,87	(5,94)
41	30/03/2025	64.354.377.396	6.300.000	10.214,98	(50,89)
42	31/03/2025	63.957.281.730	6.300.000	10.151,94	(63,04)
43	01/04/2025	64.441.829.001	6.300.000	10.228,86	76,92
44	02/04/2025	64.423.407.424	6.300.000	10.225,93	(2,93)
45	03/04/2025	60.106.578.742	6.300.000	9.540,72	(685,21)
46	07/04/2025	59.640.365.408	6.300.000	9.466,72	(74,00)
47	08/04/2025	55.796.178.514	6.300.000	8.856,53	(610,19)
48	09/04/2025	54.222.704.675	6.300.000	8.606,77	(249,76)
49	10/04/2025	57.883.608.236	6.300.000	9.187,87	581,10
50	13/04/2025	60.610.558.866	6.300.000	9.620,72	432,85
51	14/04/2025	61.522.530.128	6.300.000	9.765,48	144,76
52	15/04/2025	60.757.098.125	6.300.000	9.643,98	(121,50)
53	16/04/2025	59.868.412.746	6.300.000	9.502,92	(141,06)
54	17/04/2025	60.341.678.734	6.300.000	9.578,04	75,12
55	20/04/2025	60.656.715.117	6.300.000	9.628,05	50,01
56	21/04/2025	60.125.780.163	6.300.000	9.543,77	(84,28)
57	22/04/2025	59.886.804.032	6.300.000	9.505,84	(37,93)
58	23/04/2025	60.597.181.970	6.300.000	9.618,60	112,76
59	24/04/2025	60.961.395.335	6.300.000	9.676,41	57,81
60	27/04/2025	61.165.506.227	6.300.000	9.708,81	32,40
61	28/04/2025	61.072.699.723	6.300.000	9.694,07	(14,74)
62	29/04/2025	60.991.345.861	6.300.000	9.681,16	(12,91)
63	30/04/2025	60.987.827.924	6.300.000	9.680,60	(0,56)
64	04/05/2025	60.976.421.755	6.300.000	9.678,79	(1,81)
65	05/05/2025	61.438.503.974	6.300.000	9.752,14348	73,35347
66	06/05/2025	61.416.746.491	6.300.000	9.748,68991	(3,45357)
67	07/05/2025	61.642.890.910	6.300.000	9.784,58585	35,89594
68	08/05/2025	62.715.425.636	6.300.000	9.954,82946	170,24361
69	09/05/2025	62.803.269.159	6.300.000	9.968,77288	13,94341
70	11/05/2025	62.797.510.844	6.300.000	9.967,85886	(0,91402)
71	12/05/2025	63.771.751.100	6.300.000	10.122,50017	154,64130
72	13/05/2025	64.352.863.395	6.300.000	10.214,74022	92,24005
73	14/05/2025	65.345.982.086	6.300.000	10.372,37810	157,63788
74	15/05/2025	65.771.842.943	6.300.000	10.439,97507	67,59697
75	16/05/2025	64.898.970.757	6.300.000	10.301,42392	(138,55115)
76	18/05/2025	64.893.160.480	6.300.000	10.300,50166	(0,92225)
77	19/05/2025	65.715.349.618	6.400.000	10.268,02337	(32,47828)
78	20/05/2025	66.796.243.442	6.400.000	10.436,91303	168,88965
79	21/05/2025	67.244.597.929	6.400.000	10.506,96842	70,05538
80	22/05/2025	66.743.101.841	6.400.000	10.428,60966	(78,35875)
81	23/05/2025	66.815.754.398	6.400.000	10.439,96162	11,35196
82	25/05/2025	66.809.891.607	6.400.000	10.439,04556	(0,91605)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

STT	Ngày NAV (*)	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 Chứng chỉ Quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 Chứng chỉ Quỹ VND
83	26/05/2025	67.580.421.736	6.400.000	10.559,44089	120,39532
84	27/05/2025	67.910.275.299	6.400.000	10.610,98051	51,53961
85	28/05/2025	67.923.008.688	6.400.000	10.612,97010	1,98959
86	29/05/2025	67.947.376.943	6.400.000	10.616,77764	3,80753
87	30/05/2025	67.441.806.523	6.400.000	10.537,78226	(78,99538)
88	31/05/2025	67.438.284.759	6.400.000	10.537,23199	(0,55026)
89	01/06/2025	67.435.277.623	6.400.000	10.536,76212	(0,46987)
90	02/06/2025	67.628.306.595	6.400.000	10.566,92290	30,16078
91	03/06/2025	68.363.117.149	6.400.000	10.681,73705	114,81415
92	04/06/2025	68.289.365.513	6.400.000	10.670,21336	(11,52369)
93	05/06/2025	68.081.459.925	6.400.000	10.637,72811	(32,48524)
94	06/06/2025	67.421.006.585	6.400.000	10.534,53227	(103,19584)
95	08/06/2025	67.414.992.805	6.400.000	10.533,59262	(0,93965)
96	09/06/2025	65.549.040.497	6.300.000	10.404,60960	(128,98302)
97	10/06/2025	65.888.761.917	6.300.000	10.458,53363	53,92403
98	11/06/2025	65.912.550.641	6.300.000	10.462,30962	3,77599
99	12/06/2025	66.517.556.477	6.300.000	10.558,34229	96,03267
100	13/06/2025	66.095.894.889	6.300.000	10.491,41188	(66,93041)
101	15/06/2025	66.089.917.413	6.300.000	10.490,46308	(0,94880)
102	16/06/2025	67.245.907.685	6.300.000	10.673,95360	183,49052
103	17/06/2025	67.653.027.566	6.300.000	10.738,57580	64,62219
104	18/06/2025	67.604.028.119	6.300.000	10.730,79811	(7,77769)
105	19/06/2025	67.852.070.274	6.300.000	10.770,16988	39,37176
106	20/06/2025	67.807.163.044	6.300.000	10.763,04175	(7,12812)
107	22/06/2025	67.801.138.684	6.300.000	10.762,08550	(0,95625)
108	23/06/2025	68.038.278.888	6.300.000	10.799,72680	37,64130
109	24/06/2025	68.602.700.981	6.300.000	10.889,31761	89,59080
110	25/06/2025	68.663.512.233	6.300.000	10.898,97019	9,65257
111	26/06/2025	68.628.673.749	6.300.000	10.893,44027	(5,52992)
112	27/06/2025	68.955.761.384	6.300.000	10.945,35894	51,91867
113	29/06/2025	68.949.705.556	6.300.000	10.944,39770	(0,96124)
114	30/06/2025	69.249.137.205	6.300.000	10.991,92654	47,52884

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ: 63.537.695.064

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ

► Mức cao nhất trong kỳ (VND)	685,21
► Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	0,46987

(*) Ngày NAV là ngày xác định giá trị tài sản ròng cho ngày định giá liền sau đó.

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Chứng chỉ Quỹ

Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

6.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 Giao dịch trọng yếu và hợp đồng then chốt với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và hợp đồng then chốt với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý (*)	141.013.745
		Phí hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ	1.595.659
		Giá dịch vụ giám sát	29.629.032
		Giá dịch vụ lưu ký	107.741.935
		Giá giao dịch chứng khoán	4.670.642
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	88.887.097
		Phí ngân hàng	177.811
		Tiền lãi được nhận	3.170.763
Ban Đại diện Quỹ	Ngân hàng Giám sát Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	80.806.452

(*) Giá dịch vụ quản lý Quỹ cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Quỹ là 0,5% giá trị tài sản ròng
một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Số dư trong yếu với các bên liên quan

Số dư trọng yếu với bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 20 tháng 01 năm 2025			Ngày 30 tháng 6 năm 2025		
			VND			VND		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả giá dịch vụ quản lý	-	141.013.745	(113.231.794)	27.781.951		
		Phải trả phí hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ	-	1.595.659	(1.595.659)	-		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	-	26.713.694.788	(25.489.980.632)	1.223.714.156		
		Giá dịch vụ lưu ký phải trả	-	107.741.935	(107.741.935)	107.741.935		
		Giá dịch vụ giám sát phải trả	-	29.629.032	(24.129.032)	5.500.000		
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	-	88.887.097	(72.387.097)	16.500.000		
		Phí giao dịch chứng khoán	-	4.670.642	(4.670.642)	-		
		Thù lao Ban Đại diện Quỹ phải trả	-	80.806.452	(35.806.452)	45.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà Đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Điều hành/Ban Tổng giám đốc xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 68.067.405.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 6.806.740.500 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 6.806.740.500 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm cổ phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại cổ phiếu Quỹ nắm giữ là cổ phiếu niêm yết của các doanh nghiệp lớn và uy tín tại Việt Nam, các mã cổ phiếu này có thanh khoản lớn và được thanh toán vào ngày T+2.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ của nhóm tài sản (Không bao gồm dự phòng) đó trên bảng cân đối kế toán được trình bày như sau:

	Chưa quá hạn và chưa bị suy giảm VND	Đã quá hạn và chưa bị suy giảm VND	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1.223.714.156	-	-	1.223.714.156
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF	1.223.714.156	-	-	1.223.714.156
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ Quỹ	-	-	-	-
Các khoản đầu tư thuần	68.067.405.000	-	-	68.067.405.000
- Cổ phiếu	67.923.765.000	-	-	67.923.765.000
- Quyền mua chứng khoán	143.640.000	-	-	143.640.000
Các khoản phải thu	69.300.000	-	-	69.300.000
- Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	69.300.000	-	-	69.300.000
	69.360.419.156	-	-	69.360.419.156

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	Không kỳ hạn VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 đến 12 tháng VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Tài sản						
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1.223.714.156	-	-	-	-	1.223.714.156
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF	1.223.714.156	-	-	-	-	1.223.714.156
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ Quỹ	-	-	-	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (03) tháng	-	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư thuần	-	68.067.405.000	-	-	-	68.067.405.000
- Cổ phiếu	-	67.923.765.000	-	-	-	67.923.765.000
- Quyền mua chứng khoán	-	143.640.000	-	-	-	143.640.000
Các khoản phải thu	-	69.300.000	-	-	-	69.300.000
- Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	-	69.300.000	-	-	-	69.300.000
Tổng tài sản	1.223.714.156	68.136.705.000	-	-	-	69.360.419.156
Nợ phải trả						
Chi phí phải trả	-	45.000.000	-	-	-	45.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	66.281.951	-	-	-	66.281.951
Tổng nợ phải trả	-	111.281.951	-	-	-	111.281.951
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	1.223.714.156	68.025.423.049	-	-	-	69.249.137.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính từ
ngày 20 tháng 01 năm 2025 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

21. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động trong kỳ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	1,90%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ/2	27,08%

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2025



Người lập:
Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ



Người phê duyệt:
Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:
Ông Phí Tuấn Thành
Tổng Giám đốc

